TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 53/2025/HS-ST Ngày: 18-03-2025	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Bùi Ngọc Quang**

2. Bà: **Nguyễn Thuý Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Mai Hồng Hạnh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa*: Ông **Ngô Hoài Ngân -** Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2025/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST – HS ngày 06 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Họ và tên: **Lò Văn L1;** Tên khác: Không; sinh ngày: 23/9/1993, tại huyện MA, tỉnh ĐB; Nơi cư trú: Bản XB, xã NC, huyện MA, tỉnh ĐB; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Thái; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn N, sinh năm 1957 và con bà Lò Thị D, sinh năm 1958; Gia đình bị cáo có 08 anh, em ruột, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Lò Thị P, sinh năm 1999; Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xét xử; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2024 đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Họ và tên: **Lò Văn L2;** Tên gọi khác: Không; sinh ngày: 17/3/1974 tại huyện MA, tỉnh ĐB; Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MẢ, tỉnh ĐB; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ học vấn: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lò Văn P (đã chết) và bà Lò Thị L(đã chết); Bị cáo có 10 anh, chị, em bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; Bị cáo có vợ là chị Lò Thị P, sinh năm 1975 và có 04 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2024 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L1: Bà **Triệu Thị Hồng** – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L2: Ông **Nguyễn Cảnh Phương** - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của các bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2 được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 28/12/2024, do lên cơn nghiện chất ma túy Lò Văn L1 từ nhà đi tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đi đến ngã ba đường thuộc bản XB, xã NC, huyện MA, tỉnh ĐB thì Là gặp Lò Văn L2, sinh năm 1974, trú tại Bản N, xã NC, huyện MẢ, tỉnh ĐB đang đi bộ đến. Qua trao đổi L1 và L2 thống nhất là L1 đưa cho L2 200.000 đồng để L2 đi tìm mua ma túy về cả hai cùng sử dụng chung. L2 cầm 200.000 đồng của L1 đưa rồi đi vào khu vực bản S, xã NC tìm mua ma túy, khi đi đến đoạn đường thuộc bản S, xã NC L2 gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Thái không quen biết 01 gói Heroine được gói bằng mảnh giấy trắng có dòng kẻ với giá 200.000 đồng. Mua được ma túy L2 cất giấu gói Heroine vào túi áo khoác bên trái đang mặc rồi quay về, còn người đàn ông bán ma túy đi đâu không rõ. Hồi 19 giờ 10 phút cùng ngày, khi L2 đang trên đường về đến bản XB, xã NC thì gặp tổ công tác Công an xã Ngối Cáy đang làm nhiệm vụ, yêu cầu L2 bỏ ma túy ra giao nộp thì L2 đã tự lấy 01 gói Heroine được gói bằng mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ, khối lượng 0,27 gam từ túi áo khoác ra giao nộp cho tổ công tác, đồng thời khai báo Lò Văn L1 là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội. Thi hành lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn L1 thì L1 cũng đã thành khẩn khai nhận rõ toàn bộ nội dung hành vi phạm tội.

Ngày 05/01/2025 Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Ảng quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Lò Văn L1, Lò Văn L2 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại biên bản niêm phong vật chứng hồi 20 giờ 45 phút ngày 28/12/2024 thì vật chứng thu giữ của Lò Văn L1 và Lò Văn L2 là 01 gói được gói bằng mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là Heroine.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 28/12/2024 thì 01 gói được gói bằng mảnh giấy màu trắng nghi là Heroine có khối lượng là: 0,27gam.

Tại bản kết luận giám định số: 30/KL-KTHS, ngày 03/01/2025- của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Văn L1 và Lò Văn L2 gồm: 0,27 gam chất bột màu trắng là ma túy: Loại Heroine.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số: 33/CT - VKSMA, ngày 27/2/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa,

đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt: Bị cáo Lò Văn L1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 08 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt: Bị cáo Lò Văn L2 từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Căn cứ Điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 0,23 gam Heroine là vật chứng hoàn lại của vụ án.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 01 phong bì Công văn xã Ngối Cáy niêm phong ban đầu.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị miễn án phí đề nghị miễn án phí HSST cho các bị cáo Lò Văn L1 và Lò Văn L2.

* Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L1 nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Lò Văn L1 về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS khi Quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát; Về án phí đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo Lò Văn L1.

Bị cáo Lò Văn L1 nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa.

* Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L2 nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Lò Văn L2 về tội: *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tích cực khai báo với cơ quan điều tra khai báo ra Lò Văn L1 ngoài ra bị cáo có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS khi Quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo được hưởng Điều 54 BLHS cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất theo

quy định của pháp luật; Về án phí đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo Lò Văn L2.

Bị cáo Lò Văn L2 nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa.

Lời nói sau cùng các bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2 nhận phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của các bị cáo cụ thể: Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 28/12/2024 tại bản XB, xã NC, huyện MA, tỉnh ĐB. Lò Văn L1 đưa cho Lò Văn L2 200.000 đã để L2 đi tìm mua ma túy về sử dụng chung. Sau khi mua được 01 gói Heroine khối lượng 0,27 gam L2 đang trên đường về thuộc bản XB, xã NC bị Công an xã Ngối Cáy phát hiện bắt quả tang.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. *Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công và bàn bạc cụ thể mà bộc phát nảy sinh phạm tội, trong đó Lò Văn L1 là người khởi xướng và cung cấp tiền, còn L2 là người thực hiện hành vi mua ma túy.

[3]. *Về tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi của các bị cáo L1, L2 không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[4]. *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo*: Bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2 là người nghiện chất ma túy nên có nhân thân không tốt.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lò Văn L2 tích cực khai báo với cơ quan điều tra khai báo ra Lò Văn L1 và có bố đẻ là ông Lò Văn P được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất đây là tình tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống, xã hội

một thời gian để các bị cáo sửa chữa tội lỗi của mình, sau này trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 của BLHS.

Theo khoản 5 Điều 249 của BLHS quy định các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Tại phiên tòa, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho các bị cáo có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo L2 đề nghị áp dụng Điều 54 BLHS cho bị cáo không phù hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6]. *Về vật chứng*: Căn cứ điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS Hội đồng xét xử thấy rằng: 0,23gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau khi gửi mẫu giám định; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ; 01 phong bì Công văn xã Ngối Cáy niêm phong ban đầu không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về nguồn gốc số Heroine bị thu giữ, bị cáo L2 khai mua của người đàn ông dân tộc Thái không biết tên và địa chỉ. Quá trình điều tra không có cơ sở điều tra làm rõ nên HĐXX không xem xét.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2.

[8]. Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, Quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2 phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lò Văn L1 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 12 năm 2024.

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lò Văn L2 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 12 năm 2024.

2. *Vật chứng:* Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 0,23 gam Heroine hoàn lại sau giám định; 01 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ và 01 phong bì Công văn xã Ngối Cáy niêm phong vật chứng ban đầu. (*Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/02/2025*).

3. *Án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo Lò Văn L1, Lò Văn L2.

4. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Căn cứ Điều 331, Điều 333 BLTTHS: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/3/2025).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND h.Mường Ảng;
- Công an t. Điện Biên; Cơ quan THAHS Công an khu vực huyện Mường Ảng; Nhà tạm giữ khu vực huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS h.Mường Ảng;
- Các Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ.